

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày: 27/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải

Bà Trần Thị Minh Hoi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Văn P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/12/1988 tại xã Đ, huyện L, tỉnh N; Nơi cư trú: Xóm 5 xã Đ, huyện L, tỉnh N; Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Phan Văn L, sinh năm: 1960; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963; Vợ: Nguyễn Thị A, sinh năm 1987 (đã ly hôn); Con: Có 02 con lớn nhất sinh năm 2010 nhỏ nhất sinh năm 2014

Tiền sự: không

Tiền án: Ngày 22/11/2017 Phan Văn P bị Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù, về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 14/6/2019

Nhân thân:

- Ngày 23/2/2006 Phan Văn P bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. đã chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 31/3/2011, Phan Văn P bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 23/11/2012

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2021 tại trại tạm giam công an tỉnh Nghệ An đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

Bà Đặng Thị X - Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Xóm 06, xã T, huyện Đ, tỉnh N. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/3/2021, Phan Văn P đi bộ từ nhà của mình, khi đi qua nhà bà Đặng Thị X, trú tại xóm 6, xã T, huyện Đ thì thấy nhà bà X không có ai ở nhà nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khi đi đến cổng thì P phát hiện nhà bà Xuân có gắn thiết bị Camera an ninh ở trên mái tôn trước nhà nên P đi ra phía bên trái nhà bà X để ngắt cầu giao điện để hệ thống Camera không hoạt động được. Tiếp đó, P đi ra phía sau nhà, trèo qua hàng rào của nhà bà X để đi vào trong vườn. Khi vào đến cửa nhà bà X, P thấy cửa nhà không khóa nên len vào trong. P quan sát, tìm kiếm và nhìn thấy 01(một) két sắt có kích thước (76x42x30)cm đặt ở chân giường trong phòng ngủ phía bên trái hướng từ cửa chính đi vào, Phương mở cửa nách, đi ra sau chuồng gà ở phía sau nhà để tìm dụng cụ cạy phá két sắt thì thấy 02(hai) cây xà beng bằng sắt, Phương mang 02 cây xà beng vào nhà để phá két. Tại đây, P lật ngửa két sắt, cho cửa két sắt hướng lên trên và dùng cây xà beng đầu nhọn đâm từ trên xuống nhiều lần, sau đó tiếp tục dùng cây xà beng đầu dẹt đâm vào và cạy cửa két sắt ra. Phá được két sắt, P nhìn thấy trong két có 01(một) túi ni lon màu đen bên trong đựng 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). P cầm túi ni lon đi lại chỗ bàn học đặt ở sát cửa ra vào lấy trộm tiếp 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh nước biển để ở bàn bỏ vào túi quần bên phải của P đang mặc. Lấy được tài sản, Phương đi theo đường cửa nách và nhảy qua hàng rào và đi về nhà.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, P về đến nhà và đi thẳng vào phòng ngủ cất dấu túi ni lon đựng tiền và chiếc điện thoại vừa trộm được để tại chiếc tủ gần đầu giường ngủ. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/3/2021, P vào phòng mở túi ni lon màu đen ra thì thấy trong túi có 04(bốn) cọc tiền, trong đó có 02(hai) cọc tiền mệnh giá 500.000đ(năm trăm ngàn đồng), 02(hai) cọc tiền mệnh giá 200.000đ(hai trăm ngàn đồng), quá trình xem thì P không kiểm đếm cụ thể là bao nhiêu tiền. P lấy một cọc tiền mệnh giá 500.000đ(năm trăm ngàn đồng) và rút ra 109 tờ tiền đương đương với

54.500.000đ(năm mươi tư triệu năm trăm ngàn đồng). P dùng số tiền này đem đi trả nợ số tiền là 47.000.000đ (bốn mươi bảy triệu đồng) mà trước đó P vay qua một ứng dụng "Vay Đồng online" trên mạng Internet; P mua ma túy để sử dụng hết 1.000.000đ(một triệu đồng); tiêu xài cá nhân hết 3.220.000đ(ba triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng), còn lại 3.280.000đ (ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng) P để trong ví mang theo người.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 643, ngày 22/3/2021 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thuộc Hội đồng định giá huyện Đô Lương kết luận 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh nước biển, có số Imei 864215057392010, không có thẻ sim, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm định giá là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*).

Tại phiên tòa Phan Văn P khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và một chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo của bà Đặng Thị X trị giá 4.000.000đ.

Bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Phan Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 khoản Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phan Văn P từ 10 đến 11 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương đã thu giữ và xử lý một số vật chứng gồm:

- + Trả lại cho bị hại chị Đặng Thị X số tiền 348.780.000(Ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh nước biển, có số Imei 864215057392010, không có thẻ sim, đã qua sử dụng.

- + Đối với 01(một) cây xà beng bằng sắt, có hai đầu, một đầu nhọn và một đầu dẹt, chiều dài 1,5m, đường kính 03cm; 01(một) cây xà beng bằng sắt, có hai đầu, một đầu tròn và một đầu dẹt, chiều dài 1,1m, đường kính 03cm và 01(một) kết sắt màu xám, có kích thước (76x42x30)cm, bên ngoài cửa kết đã bị cạy phá. Tất cả đều đã qua sử dụng, là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, đồng thời là vật chứng trong vụ án hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng thuộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương.

Về phần dân sự:

Chị Đặng Thị X, sau khi nhận lại các tài sản đã bị mất gồm số tiền 348.780.000đ (ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu ViVo, màu xanh nước biển, có số Imei 864215057392010, không có sim số đã qua sử dụng. Chị X yêu cầu bị can Phan Văn P bồi hoàn số tiền còn lại là 51.220.000đ (năm mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), Còn chiếc két sắt bị hư hỏng chị X không yêu cầu bồi thường. Hiện Phan Văn P chưa thực hiện việc bồi thường.

Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Cụ thể: Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 18/3/2021, Phan Văn P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 400.000.000đ và một chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo, trị giá 4.000.000đ của bà Đặng Thị X. Tổng số trị giá tài sản mà bị cáo Phương trộm cắp là 404.000.000đ. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Văn P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật

hình sự, cho nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự, an ninh trên địa bàn Bị cáo đã lợi dụng vào sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với giá trị tài sản lớn. Vì vậy cần xử phạt thật nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và công tác phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích. Là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, mặt khác bị cáo Phương có nhân thân xấu đã 02 lần bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 lần kết án về tội trộm cắp tài sản, tuy đã được xóa án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội điều đó cho thấy bị cáo coi thường pháp luật nên cần lên cho bị cáo một mức nghiêm cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ sức răn đe giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mặt khác tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cho nên cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội phạm này ngoài hình phạt chính còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung

[6] Về vật chứng: + Đối với số tiền 348.780.000đ (Ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh nước biển, có số Imei 864215057392010, không có thẻ sim, đã qua sử dụng Cơ quan CSĐT công an huyện Đô Lương đã trả lại cho chủ sở hữu là bị hại bà Đặng Thị X.

+ Đối với 01(một) cây xà beng bằng sắt, có hai đầu, một đầu nhọn và một đầu dẹt, chiều dài 1,5m, đường kính 03cm; 01(một) cây xà beng bằng sắt, có hai đầu, một đầu tròn và một đầu dẹt, chiều dài 1,1m, đường kính 03cm, bị cáo sử dụng để

phạm tội là tài sản thuộc sở hữu của bà Đặng Thị X cần tuyên trả lại cho bà Đặng Thị Xuân.

+ Đối với 01(một) két sắt màu xám, có kích thước (76x42x30)cm, bên ngoài cửa két đã bị cạy phá. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Đặng Thị X nhưng tại phiên tòa bà X từ chối nhận lại và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên cần tuyên tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Đặng Thị , sau khi nhận lại các tài sản đã bị mất gồm số tiền 348.780.000đ (ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và 01(một) chiếc điện thoại nhãn hiệu ViVo, màu xanh nước biển, có số Imei 864215057392010. Tại phiên tòa bà X yêu cầu bị cáo Phan Văn P bồi hoàn số tiền còn lại là 51.220.000đ (năm mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Xét đây là yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị chiếm đoạt chưa thu hồi được là chính đáng, đúng quy định pháp luật của bị hại nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

Đối với chiếc két sắt bị hư hỏng bà X không yêu cầu bồi thường nên miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Phan Văn P phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173, điểm h khoản 1 điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn P 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 18/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phan Văn P phải bồi thường cho bà Đặng Thị X số tiền 51.220.000đ (năm mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 48, điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự:

+ Tuyên trả lại cho bà Đặng Thị X 01(một) cây xà beng bằng sắt, có hai đầu, một đầu nhọn và một đầu dẹt, chiều dài 1,5m, đường kính 03cm; 01(một) cây xà beng bằng sắt, có hai đầu, một đầu tròn và một đầu dẹt, chiều dài 1,1m, đường kính 03cm

+ Tuyên tiêu hủy 01(một) kết sắt màu xám, có kích thước (76x42x30)cm, bên ngoài cửa kết đã bị cạy phá.

(Theo chi tiết có trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương và cơ quan chỉ cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương lập ngày 23/4/2021)

Về án phí: Áp dụng Điều 106, 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Phan Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.561.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Đại

